TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 09 - 5 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thịnh.

2. Bà Nguyễn Thị Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quý Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 117/2024/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Phương S, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị Phạm Thị T và anh Phạm Phương S tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý và đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời

gian đầu, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hòa giải đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng không còn sống chung nhà, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục, không còn cách nào để hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình, nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Phương S.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Phạm Thiện N, sinh ngày 17/5/2020 và Phạm Ngọc Thanh N, sinh ngày 22/4/2023. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung, chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phạm Phương S trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh S thống nhất với phần trình bày của chị T về thời gian tìm hiểu, kết hôn và thời gian chung sống. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến cuối năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống cũng như không tìm được tiếng nói chung. Tuy nhiên trước yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh S không đồng ý vì anh S vẫn còn yêu thương vợ và muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nuôi dạy con cái.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Phạm Thiện N, sinh ngày 17/5/2020 và Phạm Ngọc Thanh N, sinh ngày 22/4/2023. Do anh S không đồng ý ly hôn nên vấn đề con cái không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào nội dung các hợp đồng mà các bên tham gia ký kết và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì việc xác định mối quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Phạm Phương S.

[2] Về con chung: Giao hai con chung tên Phạm Thiện Nhân, sinh ngày 17/5/2020 và Phạm Ngọc Thanh Nhàn, sinh ngày 22/4/2023 cho chị Phạm Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Chị Phạm Thị T và anh Phạm Phương S đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con và cam kết đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Phương S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Chị Phạm Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23 số 0002761 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đồng thời đề nghị tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Chị Phạm Thị T có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Phạm Phương S. Anh S là bị đơn cư trú tại thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, anh Phạm Phương S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Phương S tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 7 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị Phạm Thị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến thời gian gần đây thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hợp nhau do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung về tất cả các vấn đề trong cuộc sống. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung nhà và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh S thống nhất quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng không lớn, hiện nay anh vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình và cùng nuôi dạy con cái nên không đồng ý ly hôn với chị T. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù anh S có nguyện vọng mong muốn chị T quay về chung sống để xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên anh S không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, níu kéo hôn nhân còn chị T kiên quyết ly hôn anh S, chứng tỏ chị T đã không còn tình cảm với anh S, các bên không tìm ra được tiếng nói chung, anh S cũng không có biện pháp khắc phục, không ai còn quan tâm đến ai, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa hai người không có biện pháp để hàn gắn tình cảm, hơn nữa thực tế chị T, anh S không còn sống chung với nhau nên chị T yêu cầu ly hôn với anh S là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh S có hai con chung tên Phạm Thiện N, sinh ngày 17/5/2020 và Phạm Ngọc Thanh N, sinh ngày 22/4/2023. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nhân và cháu Nhàn hiện nay còn nhỏ và đang sống với chị T, để tránh gây xáo trộn về tâm lý và đảm bảo quyền lợi về vật chất, tinh thần của người chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao các cháu Phạm Thiện N và Phạm Ngọc Thanh N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con các trưởng thành hoặc đến khi có quyết định khác thay thế là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng và cam kết đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hiện nay chị T có công việc ổn định, thu nhập đủ để T trải cuộc sống, ý kiến của chị T là hoàn toàn tự

nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Phương S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp, có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Phạm Phương S.

[2] Về con chung: Giao hai con chung tên Phạm Thiện N, sinh ngày 17/5/2020 và Phạm Ngọc Thanh N, sinh ngày 22/4/2023 cho chị Phạm Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Chị Phạm Thị T và anh Phạm Phương S đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con và cam kết đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Phạm Phương S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Chị Phạm Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23 số 0002761 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/5/2025). Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (số 47/2019);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng